

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-GDTrH

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2025

V/v thực hiện công tác ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và hướng dẫn nội dung ôn thi học sinh giỏi cấp tỉnh THPT từ năm học 2025 - 2026

Kính gửi:

- Các trường phổ thông (có cấp THPT);
- Các trung tâm GDTX, GDNN-GDTX.

Triển khai Công văn số 647/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025 - 2026; Thông báo số 1801/TB-BGDĐT ngày 10/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông báo kết luận của Thứ trưởng thường trực Phạm Ngọc Thuồng tại Hội nghị Tổng kết công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và Công tác chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026; Quyết định số 885/QĐ-SGDDĐT ngày 13/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tổ chức thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, chọn học sinh vào đội tuyển bồi dưỡng dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia tỉnh Lâm Đồng; để chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và học sinh giỏi tỉnh cấp THPT từ năm học 2025 - 2026; Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu các đơn vị triển khai một số nội dung sau:

1. Công tác ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Tổ chức tư vấn học sinh chọn môn thi theo năng lực, tiến hành khảo sát nguyện vọng đăng ký dự thi của tất cả học sinh lớp 12 tham gia Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 để chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức ôn thi phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tiễn tại đơn vị.

- Xây dựng đề cương, tài liệu ôn tập bám sát định dạng cấu trúc đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT để tổ chức ôn thi tốt nghiệp ngay từ đầu năm học giúp học sinh làm quen với cấu trúc đề và rèn kỹ năng làm bài ở từng dạng thức câu hỏi.

- Tăng cường các dạng câu hỏi, bài tập theo định dạng cấu trúc đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT theo Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ GDĐT trong quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, học sinh, học viên, đồng thời huy động sự chung tay, giúp sức của toàn xã hội để việc tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đạt hiệu quả cao.

2. Đối với tất cả các khối lớp, các đơn vị trường học chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học,

chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra và đánh giá đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời từng bước tiếp cận định dạng cấu trúc đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT trong quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá, đặc biệt là các bài kiểm tra định kỳ.

3. Đối với công tác bồi dưỡng học sinh THPT dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh, các đơn vị trường học chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề bồi dưỡng bám sát nội dung hướng dẫn thi học sinh giỏi THPT từ năm học 2025 - 2026 (*theo Phụ lục gửi kèm*) của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Để nâng cao năng lực xây dựng câu hỏi theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT từ năm 2026 các đơn vị chỉ đạo mỗi tổ/nhóm chuyên môn xây dựng 01 đề thi tốt nghiệp THPT (tham khảo), gồm các môn: **Ngữ văn, Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ (định hướng công nghiệp và định hướng nông nghiệp), Tin học, Ngoại ngữ** và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo, **trước ngày 30/11/2025** (qua Phòng Giáo dục Trung học, email: phonggdtrh.solamdong@moet.edu.vn). Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tổ chức thẩm định các đề và gửi về các đơn vị làm tài liệu tham khảo phục vụ ôn tập.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các PGĐ;
- Phòng QLCL;
- Lưu: VT, GDTrH (Th).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

**PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN ÔN THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THPT
TỪ NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Công văn số _____/SGDDT-GDTrH ngày ____/10/2025 của Sở GDĐT)

I. MÔN TOÁN

1. Nội dung: Nội dung thi HSG THPT môn Toán từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành bao gồm cả các Chuyên đề học tập. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi.

Cụ thể như sau:

1.1. Đại số và một số yếu tố giải tích

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	10	Phương pháp quy nạp toán học. Nhị thức Newton	Phương pháp quy nạp toán học.
			Nhị thức Newton
		Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	Vận dụng hệ phương trình bậc nhất ba ẩn để giải một số bài toán liên môn và thực tiễn
2	11	Hàm số mũ và hàm số lôgarit	Phép tính lũy thừa với số mũ nguyên, số mũ hữu tỉ, số mũ thực. Các tính chất
			Phép tính lôgarit (logarithm). Các tính chất
			Hàm số mũ. Hàm số lôgarit
			Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit
3	11	Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân	Dãy số. Dãy số tăng, dãy số giảm
			Cấp số cộng. Số hạng tổng quát của cấp số cộng. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng
			Giới hạn của dãy số. Phép toán giới hạn dãy số. Tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn
4	11	Giới hạn. Hàm số liên tục	Giới hạn của hàm số. Phép toán giới hạn hàm số.
			Hàm số liên tục
5	11	Đạo hàm	Khái niệm đạo hàm. Ý nghĩa hình học của đạo hàm
			Các quy tắc tính đạo hàm
			Đạo hàm cấp hai

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
6	12	Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số	Tính đơn điệu của hàm số
			Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số
			Khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số
			Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn
7	12	Nguyên hàm - Tích phân	Nguyên hàm. Bảng nguyên hàm của một số hàm số sơ cấp
			Tích phân. Ứng dụng hình học của tích phân
8	12	Ứng dụng toán học để giải quyết một số bài toán tối ưu	Vận dụng hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính
			Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu trong thực tiễn, đặc biệt là trong kinh tế
9	12	Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính	Vận dụng kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề về lãi suất và vay nợ của các tổ chức tín dụng

1.2. Hình học và đo lường

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	10	Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	Toạ độ của vector đối với một hệ trục toạ độ. Biểu thức toạ độ của các phép toán vector. Ứng dụng vào bài toán giải tam giác.
			Đường thẳng trong mặt phẳng toạ độ. Phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng. Khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.
			Đường tròn trong mặt phẳng toạ độ và ứng dụng
2	11	Quan hệ vuông góc trong không gian. Phép chiếu vuông góc	Góc giữa hai đường thẳng. Hai đường thẳng vuông góc
			Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Định lý ba đường vuông góc. Phép chiếu vuông góc

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
			Hai mặt phẳng vuông góc. Hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình chóp đều
			Khoảng cách trong không gian
			Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. Góc nhị diện và góc phẳng nhị diện
			Hình chóp cụt đều và thể tích
3	12	Phương pháp tọa độ trong không gian	Toạ độ của vector đối với một hệ toạ độ. Biểu thức toạ độ của các phép toán vector
			Phương trình mặt phẳng
			Phương trình đường thẳng trong không gian
			Phương trình mặt cầu

1.3. Thống kê và xác suất

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	10, 11	Khái niệm về xác suất	Một số khái niệm về xác suất cổ điển
		Các quy tắc tính xác suất	Thực hành tính toán xác suất trong những trường hợp đơn giản
			Các quy tắc tính xác suất
2	12	Khái niệm về xác suất có điều kiện	Xác suất có điều kiện
		Các quy tắc tính xác suất	Các quy tắc tính xác suất
		Biến ngẫu nhiên rời rạc. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc.	Biến ngẫu nhiên rời rạc. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc
			Phân bố Bernoulli. Phân bố nhị thức

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Hình thức

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng (6/20 điểm).

Gồm 12 câu, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án (6/20 điểm).

Gồm 06 câu, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c) Tự luận: Từ 4 câu đến 7 câu (8/20 điểm).

2.2. Phân bố nội dung trong đề thi

- Chương trình lớp 10: 20-30 %.
- Chương trình lớp 11: 20-30 %.
- Chương trình lớp 12: 40-60 %.

2.3. Thời gian làm bài: 180 phút.

2.4. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

3. Một số lưu ý

- Nội dung đề thi chuyển từ bài kiểm tra truyền thống thiên về kiến thức sang kiểm tra đánh giá một số năng lực đặc thù bộ môn Toán, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Đề thi bám sát yêu cầu cần đạt, phù hợp với ***năng lực nhận thức*** và ***cấp độ tư duy*** theo yêu cầu tuyển chọn học sinh giỏi.

II. MÔN VẬT LÝ

1. Nội dung: Nội dung thi HSG THPT môn Vật lý từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, không bao gồm các chuyên đề học tập. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi.

Cụ thể như sau:

TT	Lớp	Chương/Chủ đề
1	10	Mục đích học tập Vật lý
2	10	Động học
3	10	Động lực học
4	10	Công, năng lượng, công suất
5	10	Động lượng
6	10	Chuyển động tròn
7	10	Biến dạng của vật rắn
8	11	Dao động
9	11	Sóng
10	11	Trường điện
11	11	Dòng điện, mạch điện
12	12	Vật lý nhiệt
13	12	Khí lý tưởng
14	12	Trường từ
15	12	Vật lý hạt nhân và phóng xạ

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Hình thức

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng (6/20 điểm).

Gồm 12 câu, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án (6/20 điểm).

Gồm 06 câu, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c) Tự luận: Từ 3 câu đến 4 câu (8/20 điểm).

2.2. Phân bố nội dung trong đề thi

- Chương trình lớp 10: 20-30 %.
- Chương trình lớp 11: 20-30 %.
- Chương trình lớp 12: 40-60 %.

2.3. Thời gian làm bài: 180 phút.

2.4. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

3. Một số lưu ý

- Nội dung đề thi chuyển từ bài kiểm tra truyền thống thiên về kiến thức sang kiểm tra đánh giá năng lực, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Đề thi bám sát yêu cầu cần đạt, phù hợp với **năng lực nhận thức** và **cấp độ tư duy** theo yêu cầu tuyển chọn học sinh giỏi.

- Theo đó có ba năng lực đặc thù môn Vật lí:

- + Nhận thức vật lí.
 - + Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.
-

III. MÔN HÓA HỌC

1. Nội dung: Nội dung thi HSG THPT môn Hóa học từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành bao gồm cả các Chuyên đề học tập lớp 10, 11. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi.

Cụ thể như sau:

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	10	Cấu tạo nguyên tử	- Thành phần của nguyên tử - Nguyên tố hóa học - Cấu trúc lớp vỏ electron
2	10	Liên kết hoá học	- Quy tắc octet - Liên kết ion - Liên kết cộng hóa trị - Liên kết hydrogen và tương tác (liên kết) van der Waals
3	10	Phản ứng oxi hoá - khử	Phản ứng oxi hoá - khử và ứng dụng trong cuộc sống
4	10	Năng lượng hóa học	Enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy của phản ứng hoá học
5	10	Tốc độ phản ứng hóa học	- Phương trình tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng. - Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hoá học.
6	10	Nguyên tố nhóm VIIA	
7	11	Cân bằng hoá học	
8	11	Nitrogen và Sulfur	- Đơn chất nitrogen. - Ammonia và một số hợp chất ammonium - Một số hợp chất với oxygen của nitrogen - Sulfur và sulfur dioxide - Sulfuric acid và muối sulfate

9	11	Đại cương về Hóa học hữu cơ	- Hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ - Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ - Công thức phân tử hợp chất hữu cơ - Cấu tạo hoá học hợp chất hữu cơ
10	11	Hydrocarbon	- Alkane - Hydrocarbon không no - Arene (hydrocarbon thơm)
11	11	Dẫn xuất halogen-Alcohol-Phenol	- Dẫn xuất halogen - Alcohol - Phenol
12	11	Hợp chất carbonyl (Aldehyde - Ketone) - Carboxylic acid	- Hợp chất carbonyl - Carboxylic acid
13	12	Ester - Lipid	
14	12	Carbohydrate	
15	12	Hợp chất chứa nitrogen	
16	12	Polymer	
17	12	Pin điện và điện phân	
18	12	Đại cương về kim loại	
19		Cơ sở hóa học (Chuyên đề học tập 10)-	- Liên kết hóa học
20		Phân bón (Chuyên đề học tập 11)	- Phân bón vô cơ - Phân bón hữu cơ

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Hình thức

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng (6/20 điểm). Gồm 12 câu, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án (6/20 điểm). Gồm 06 câu, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c) Tự luận: Từ 3 câu đến 4 câu (8/20 điểm).

2.2. Phân bố nội dung trong đề thi

- Chương trình lớp 10: 20-30 %.
- Chương trình lớp 11: 20-30 %.
- Chương trình lớp 12: 40-60 %.

2.3. Thời gian làm bài: 180 phút.

2.4. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

IV. MÔN SINH HỌC

1. Nội dung thi: Nội dung thi HSG THPT môn Sinh học từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành bao gồm cả các Chuyên đề học tập. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi.

Cụ thể như sau:

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	10	Sinh học tế bào	- Cấu trúc tế bào. - Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở tế bào (trừ phần tổng hợp các chất và tích lũy năng lượng trong tế bào).
2	10	Sinh học vi sinh vật và virus	Cấu tạo và chu trình nhân lên của virus.
3	11	Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật	- Trao đổi nước và khoáng. - Quang hợp.
4	11	Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật	- Tiêu hóa. - Hô hấp. - Tuần hoàn. - Bài tiết và cân bằng nội môi. - Miễn dịch.
5	12	Di truyền phân tử	- Gene và cơ chế thông tin di truyền. - Hệ gene, đột biến gene và công nghệ gene. - Điều hòa biểu hiện gene.
6	12	Di truyền nhiễm sắc thể	- Nhiễm sắc thể và đột biến nhiễm sắc thể. - Di truyền học Mendel và mở rộng học thuyết Mendel. - Các quy luật di truyền của Morgan và di truyền giới tính. - Di truyền gene ngoài nhân.
7	12	Di truyền quần thể và di truyền học người	- Di truyền quần thể. - Di truyền học người.

TT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
8	12	Chuyên đề: Sinh học phân tử	

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Hình thức

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng (6/20 điểm).

Gồm 12 câu, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án (6/20 điểm).

Gồm 06 câu, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c) Tự luận: Từ 3- 4 câu, 8/20 điểm (Tổng điểm tối đa bài thi: 20 điểm).

2.2. Phân bố nội dung trong đề thi

- Chương trình lớp 10: 20%.
- Chương trình lớp 11: 20%.
- Chương trình lớp 12: 60%.

2.3. Thời gian làm bài thi: 180 phút.

2.4. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%

3. Một số lưu ý

- Nội dung đề thi chuyển từ bài kiểm tra truyền thống thiên về kiến thức sang kiểm tra đánh giá năng lực, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Đề thi bám sát yêu cầu cần đạt, phù hợp với **năng lực nhận thức** và **cấp độ tư duy** theo yêu cầu tuyển chọn học sinh giỏi. Theo đó có ba năng lực đặc thù môn Sinh học: Nhận thức Sinh học; Tìm hiểu thế giới sống và Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học.

V. MÔN NGỮ VĂN

1. Nội dung ôn tập

1.1. Kiến thức

- Nội dung thi HSG THPT môn Ngữ văn từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành bao gồm cả các Chuyên đề học tập.

- Lí luận văn học:

+ Đặc trưng văn học.

+ Nhà văn và quá trình sáng tác văn học.

+ Cấu trúc văn bản văn học.

+ Phong cách nghệ thuật của nhà văn

+ Giá trị văn học và tiếp nhận văn học.

1.2. Kỹ năng

- Viết bài nghị luận xã hội: Nghị luận về một vấn đề xã hội theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn lớp 10, 11, 12.

- Viết bài nghị luận văn học: Về một ý kiến bàn về văn học; phân tích một tác phẩm văn học; so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học hoặc hai ý kiến bàn về văn học.

2. Cấu trúc đề

2.1. Hình thức

- Hình thức: Tự luận.

- Thời gian làm bài: 180 phút.

2.2. Cấu trúc đề gồm hai phần

Câu 1. Nghị luận xã hội (8,0 điểm).

Câu 2. Nghị luận văn học (12,0 điểm).

VI. MÔN LỊCH SỬ

1. NỘI DUNG

Nội dung thi HSG THPT môn Lịch sử từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm cả các Chuyên đề học tập. (Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi).

Cụ thể như sau:

1.1. LỚP 10

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	Văn minh Đại Việt Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt	- Khái niệm văn minh Đại Việt. - Cơ sở hình thành - Quá trình phát triển

1.2. LỚP 11

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	- Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV). - Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV. - Cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX
2	Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông	- Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông - Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình

1.3. LỚP 12

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh	- Liên hợp quốc - Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh - Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh
2	ASEAN những chặng đường lịch sử	- Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) - Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực
3	Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)	- Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) - Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến BVTQ từ năm 1945 đến nay.

2. CẤU TRÚC ĐỀ THI

2.1. Hình thức: Có 3 hình thức.

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng (8/20 điểm).

Gồm **16 câu**, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án.

Gồm **04 câu**, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm. (4/20 điểm)

- ✓ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- ✓ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- ✓ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- ✓ Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c) Tự luận: Gồm 3 câu, số điểm là 8/20 điểm

2.2. Thời gian làm bài: 180 phút.

2.3. Phân bố nội dung trong đề thi:

- Chương trình lớp 10: 10%
- Chương trình lớp 11: 20%

- Chương trình lớp 12: 70%

2.4. Cấp độ tư duy: Nhận biết và thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

VII. MÔN ĐỊA LÍ

1. NỘI DUNG

Nội dung thi HSG THPT môn Địa lí từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm cả các Chuyên đề học tập. (Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi).

Cụ thể như sau:

STT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
1	10	Khí quyển	Khái niệm khí quyển.
			Nhiệt độ không khí.
			Khí áp và gió.
			Mưa.
			Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất.
2	11	Khu vực Đông Nam Á	Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên
			Dân cư, xã hội
			Kinh tế
			Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á(ASEAN)
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN			
STT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
3	12	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
			Ảnh hưởng đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng
4	12	Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
			Ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống
5	12	Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên
			Các miền địa lí tự nhiên
			Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội
6	12	Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên
			Bảo vệ môi trường

STT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
ĐỊA LÍ DÂN CƯ			
STT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
7	12	Dân số	Đặc điểm
			Thế mạnh và hạn chế về dân số
			Chiến lược phát triển dân số
8	12	Lao động và việc làm	Đặc điểm nguồn lao động
			Sử dụng lao động
			Vấn đề việc làm và hướng giải quyết
9	12	Đô thị hoá	Đặc điểm đô thị hoá
			Ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội
ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ			
STT	Lớp	Chương/Chủ đề	Nội dung
10	12	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Ý nghĩa
			Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá
11	12	Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Khái quát
			Nông nghiệp
			Lâm nghiệp
			Ngành thủy sản
			Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp
12	12	Vấn đề phát triển công nghiệp	Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp
			Một số ngành công nghiệp
			Tổ chức lãnh thổ công nghiệp
13	12	Vấn đề phát triển dịch vụ	Giao thông vận tải
			Bưu chính viễn thông
			Thương mại
			Du lịch

2. CẤU TRÚC ĐỀ THI

2.1. Hình thức

a) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng. Gồm **12 câu (6/20 điểm)**, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án. Gồm **06 câu (6/20 điểm)**, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

- ✓ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- ✓ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- ✓ Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- ✓ Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c) Tự luận: Gồm **3 câu (8/20 điểm)**. Nội dung thuộc chương trình lớp 12

2.2. Thời gian làm bài: 180 phút.

2.3. Phân bố nội dung, điểm trong đề thi:

- Chương trình lớp 10: 20%.
- Chương trình lớp 11: 10%.
- Chương trình lớp 12: 70%.

2.4. Cấp độ tư duy: Nhận biết và thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

2.5. Thang điểm: 20,0 điểm.

3. Một số lưu ý

- Nội dung đề thi chuyển từ bài kiểm tra truyền thống thiên về kiến thức sang kiểm tra đánh giá năng lực, phù hợp với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Đề thi bám sát yêu cầu cần đạt, phù hợp với ***năng lực nhận thức*** và ***cấp độ tư duy*** theo yêu cầu tuyển chọn học sinh giỏi. Theo đó có ba năng lực đặc thù môn Địa lí:

- + Nhận thức khoa học Địa lí.
 - + Tìm hiểu Địa lí.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.
-

VIII. MÔN TIẾNG ANH

Nội dung thi HSG THPT môn Tiếng Anh từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi.

Cụ thể như sau:

1. Cấu trúc đề thi

SECTION I: LISTENING (5.0 points) (PET/ FCE/ IELTS)

- MCQs
- Matching
- Gap fill
- True / False

SECTION II: LEXICO-GRAMMAR (3.0 points) (FCE/ CAE)

- MCQs (Word choice / Grammar / Collocation / Idiom / Phrasal verb)
- Word form
- Open Cloze

SECTION III: READING (7.0 points) (FCE/ CAE/ IELTS)

- Cloze MCQs
- MCQs
- Gapped text
- Heading
- Matching
- True /False/ Not Given - Summary – Matching

SECTION IV: WRITING (5.0 points)

- Sentence Transformation 1.0 point
- Key Word transformation 1.0 point
- Essays (about 250 words) 3.0 points

(Argumentative/ Discussion)

2. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

3. Thời gian làm bài thi: 180 phút.

IX. MÔN TIN HỌC

1. Nội dung thi

TT	Nội dung/Chủ đề
1	- Kỹ năng lập trình: + Thao tác với tệp văn bản, thiết bị vào, thiết bị ra + Lập trình cơ bản - Cấu trúc dữ liệu: + Mảng (array): Một chiều + Xâu (string) - Chiến lược, thuật toán: + Chiến lược duyệt + Các thuật toán liên quan đến tính chất số nguyên.
2	- Kỹ năng lập trình: + Thao tác với tệp văn bản, thiết bị vào, thiết bị ra + Lập trình cơ bản - Cấu trúc dữ liệu: + Mảng (array): Một chiều, nhiều chiều + Xâu (string) + Tập hợp (set) - Chiến lược, thuật toán: + Chiến lược duyệt + Các thuật toán liên quan đến tính chất số nguyên. + Tìm kiếm + Sắp xếp + Tham lam (greedy) + Ad-hoc
3	- Kỹ năng lập trình: + Thao tác với tệp văn bản, thiết bị vào, thiết bị ra + Lập trình cơ bản + Kỹ thuật đệ quy - Cấu trúc dữ liệu:

TT	Nội dung/Chủ đề
	+ Mảng (array): Một chiều, nhiều chiều + Xâu (string) + Tập hợp (set) + Stack, Queue - Chiến lược, thuật toán: + Chiến lược duyệt + Các thuật toán liên quan đến tính chất số nguyên. + Tìm kiếm + Sắp xếp + Tham lam (greedy) + Ad-hoc + Quay lui (backtracking) + Chia để trị (divide and conquer) + Quy hoạch động (dynamic programming)
4	- Kỹ năng lập trình: + Thao tác với tệp văn bản, thiết bị vào, thiết bị ra + Lập trình cơ bản + Kỹ thuật đệ quy - Cấu trúc dữ liệu: + Mảng (array): Một chiều, nhiều chiều + Xâu (string) + Tập hợp (set) + Stack, Queue + Đồ thị - Chiến lược, thuật toán: + Chiến lược duyệt + Các thuật toán liên quan đến tính chất số nguyên. + Tìm kiếm + Sắp xếp + Tham lam (greedy)

TT	Nội dung/Chủ đề
	+ Ad-hoc + Quay lui (backtracking) + Chia để trị (divide and conquer) + Quy hoạch động (dynamic programming) + Tìm đường trên đồ thị (Depth-First Search, Breadth-First Search)

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Hình thức, thời gian

- Hình thức: Lập trình trên máy tính.
- Thời gian thi: 180 phút.

2.2. Thang điểm: 20,0 điểm.

2.3. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

X. MÔN TIẾNG PHÁP

Nội dung thi HSG THPT môn Tiếng Pháp từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi. Cụ thể như sau:

1. Cấu trúc đề thi

PARTIE 1: COMPRÉHENSION ORALE (5.0 points) (DELF B1-B2)

- Questions à choix multiples (QCMs)
- Associer des informations
- Texte à trous
- Vrai / Faux

PARTIE II: CONNAISSANCES DE LANGUE (3.0 points)

(DELF B1-B2)

- Questions à choix multiples (QCMs)
- Vocabulaire : Synonymes / Antonymes / Expressions idiomatiques
- Grammaire: Modes et temps/ Voix passive / Discours indirect/ Famille de mots (préfixes) / Connecteurs logiques

PARTIE III: COMPRÉHENSION ECRITE (7.0 points) (DELF B1-B2)

- Questions-Réponses et QCMs
- Texte à trous
- Vrai / Faux/ Justifications
- Reformulation des informations

PARTIE IV: EXPRESSION ECRITE (5.0 points) (DELF B1-B2)

- Mettre les mots en bon ordre pour faire des phrases.
- Rédaction d'un texte argumentatif, au moins 250 mots pour justifier son point de vue.

2. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.

3. Thời gian làm bài thi: 180 phút.

XI. MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

1. Nội dung

Nội dung thi HSG THPT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật từ năm học 2025 - 2026 nằm trong phạm vi Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, không bao gồm các chuyên đề học tập. Riêng với lớp 12, nội dung thi tính đến thời điểm thi. Cụ thể như sau:

TT	Lớp	Chương/Chủ đề
1	10	Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2	11	Cạnh tranh, cung - cầu trong nền kinh tế thị trường
3	11	Một số quyền tự do cơ bản của công dân
4	12	Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế
5	12	Hội nhập kinh tế quốc tế
6	12	Bảo hiểm và an sinh xã hội
7	12	Lập kế hoạch kinh doanh
8	12	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
9	12	Quản lý thu, chi trong gia đình

2. Cấu trúc đề thi

2.1. Hình thức

a. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh lựa chọn 1 đáp án đúng. Gồm **16 câu (8/20 điểm)**, mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

b. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn có cả đáp án đúng và đáp án sai: Thí sinh đánh dấu (ghi) Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho tất cả các đáp án. Gồm **04 câu (4/20 điểm)**, điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

c. Tự luận: gồm **03 câu (8/20 điểm)**.

2.2. Thời gian làm bài: 180 phút.

2.3. Phân bố nội dung trong đề thi

- Chương trình lớp 10: 10%.
- Chương trình lớp 11: 20%.
- Chương trình lớp 12: 70%.

2.4. Cấp độ tư duy: Thông hiểu: 40%, vận dụng: 60%.